

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/DS-PT
Ngày 27/9/2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử;
Ông Lương Đức Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Thanh – Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2017/TLPT-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2017 về việc ***“Tranh chấp quyền sử dụng đất”***. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2017/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2017/QĐ-PT, ngày 31 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn P – Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T (giấy ủy quyền ngày 19/7/2017);

Trú tại: Số A, phường L, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Quang S – Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Đắc Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị C (Vợ ông P) – Vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị C: Ông Phạm Văn P – Có mặt.

Bà Nguyễn Thị M (Vợ ông S) - Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Đắc Nông.

- Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị Mai L;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị Mai L: Anh Phạm Văn T (giấy ủy quyền ngày 19/4/2017);

Cùng trú tại: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn T: Ông Nguyễn Văn T (giấy ủy quyền ngày 19/7/2017) – Có mặt.

Trú tại: Số A, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:* Ông Mai Văn G (Ch); ông Dương Công V; ông Phạm Văn K; ông Nguyễn Văn N; ông Mai Văn Ch; ông Trịnh Ngọc Đ; bà Phạm Thị G – Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2015 và lời trình bày của nguyên đơn ông Phạm Văn P:

Nguồn gốc diện tích đất hiện nay gia đình ông đang sử dụng và có một phần tranh chấp là trước đây do Lâm trường N quản lý, thuộc tiểu khu 600-601. Năm 1997, theo chủ trương của xã M cho các hộ dân đến khai phá để thành lập xóm mới, trong đó có hộ gia đình ông. Tại thời điểm đó đất chỉ toàn là rừng tre, Lâm trường san ủi phần hai bên mặt đường, các hộ chỉ thu dọn và đóng mỗi hộ 100.000 đồng để trả tiền dầu san ủi.

Sau khi san ủi thu dọn xong, trong nhóm có 05 hộ gia đình gồm: Hộ ông Phạm Văn P, ông Đỗ Quang S, ông Mai Văn G, ông Phạm Văn K và ông Dương Công V. Các hộ đã thoả thuận thống nhất chia đất, mỗi hộ được 40m mặt đường liên xã, dài giáp đất ruộng, việc thoả thuận không có lập văn bản, tất cả các hộ đều có mặt, không nhớ người nào trực tiếp đo, nhưng chỉ đo phần giáp mặt đường liên xã, không đo các phía còn lại, các hộ gia đình tự nhận đất, không phải bóc thăm. Ông K nhận phần đất đầu tiên, tiếp theo là ông V, ông G, ông P cuối cùng là ông S, phần đất ông S giáp đường lô cao su, chiều rộng mặt đường 06m. Sau khi nhận đất, gia đình ông sử dụng trồng màu, đầu năm 1998 làm nhà ở và sân; đến năm 2007 trồng cà phê trên toàn bộ diện tích đất (trừ phần đất đã làm nhà và sân). Năm 1999, Sở địa chính tỉnh Đắk Lắk (cũ) tiến hành đo đạc đất, tổng diện tích đất của gia đình ông là 3.270m², tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông G dài 79,6m;
- Phía Tây giáp đất ông S dài 80m;
- Phía Nam giáp đất ruộng dài 42m;
- Phía Bắc giáp đường liên xã dài 40m.

Ngày 10/12/2007, ông làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Đến ngày 21/10/2008, được cấp giấy CNQSDĐ số AN 105192, thửa số 151, tờ bản đồ số 19, diện tích 3.270m² đứng tên hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị C. Trong thời gian trồng màu, do đất của gia đình ông thấp hơn đất gia đình ông S, nên ông đã đào mương thoát nước làm ranh giới đất giữa hai gia đình. Quá trình sử dụng đất

từ 2004 – 2006 mỗi năm gia đình ông S lại lần một ít gia đình ông đều bỏ qua, sau đó đã lấp mương nước để lần đất, đến năm 2014 ông S xây hàng rào dài 12m; năm 2015 đào móng xây trụ bê tông thì xảy ra tranh chấp ông P không cho làm và làm đơn khởi kiện đề nghị Ủy ban nhân dân xã giải quyết mới biết hộ ông S lấn của gia đình ông 210m². Diện tích đất ông S lấn chiếm trước đó chưa trồng cây, đến tháng 9/2015 ông S mới trồng tiêu. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Quang S, Bà Nguyễn Thị M phải tháo dỡ hàng rào, di dời cây trồng trả lại diện tích đất lấn chiếm có chiều rộng đường liên xã 04m, chiều rộng phía sau 0m, chiều dài 80m, tổng diện tích 210m².

- Bị đơn Ông Đỗ Quang S trình bày:

Về nguồn gốc đất hiện nay gia đình ông đang sử dụng như ông P đã trình bày trên là đúng. Tuy nhiên, tại thời điểm chia đất do chiều dài thửa đất không bằng nhau nên phương thức chia có khác nhau cụ thể: Phần đất nào có chiều dài ngắn thì được chia chiều rộng 40m mặt đường liên xã, phần đất nào dài thì được chia 36m, chỉ đo chiều rộng mặt đường, chứ không đo tất cả các cạnh. Khi đo đạc cắm mốc xong các hộ mới bốc thăm, gia đình ông bốc trúng lô giáp đường lô cao su có chiều dài ngắn hơn nên được chia 40m, gia đình ông P có chiều dài dài hơn nên được chia 36m. Tại thời điểm chia đất phần đất giáp đường lô cao su có một bụi tre to, một ụ đất và gốc cây tấp thành đống dọc theo đường lô nên họ không chia phần đất này. Sau này gia đình ông đã khai hoang phát dọn để sử dụng đất, do đó diện tích đất của gia đình ông hiện nay sử dụng có chiều rộng mặt đường liên xã là 45,77m, trong đó đã chuyển nhượng cho anh Trịnh Ngọc Đ, chị Phạm Thị G chiều rộng 10m phía giáp đường lô cao su, thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất.

Sau khi được chia đất, năm 1997 gia đình làm nhà, trồng cây xoài phía trước, năm 2005-2006 trồng cà phê phía sau, đến năm 2009 chặt bỏ cây xoài và điều, năm 2013 trồng cây tiêu trên diện tích đất trồng xoài và điều, khi trồng không có tranh chấp. Phần đất của gia đình ông P trồng cà phê từ trên xuống dưới, trồng trước gia đình ông, hiện nay cà phê vẫn còn nguyên, nên ranh giới đất giữa hai gia đình rất rõ ràng.

Năm 1999, Nhà nước giải thửa và đo đạc đất, đến năm 2008 được cấp GCNQĐĐ thửa số 150, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.100m² nhưng UBND huyện không giao sổ đỏ cho gia đình ông vì bị thất lạc. Đến ngày 04/11/2013, được UBND huyện K cấp lại GCNQĐĐ số BO 824578, thửa số 150, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.880m², đứng tên hộ ông Đỗ Quang S và bà Nguyễn Thị M.

Năm 2015, xảy ra tranh chấp lý do ranh giới đất giữa hai gia đình không thẳng, vì gia đình ông xây hàng rào sang đất ông P 20cm chiều rộng đường liên xã, sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã hòa giải, gia đình ông đã chấp nhận dỡ bỏ hàng rào điều chỉnh lại đúng vị trí ban đầu. Hiện nay gia đình ông đã xây lại hàng rào kéo lưới B40 từ mặt đường vào khoảng 20m, gia đình ông P biết nhưng không ai có ý kiến tranh chấp gì; còn phần phía dưới ông vẫn chưa làm hàng rào. Nay ông khẳng định không lấn chiếm đất của gia đình ông P, việc ông P khởi kiện là hoàn

toàn không có căn cứ vì gia đình ông P đã trồng cà phê trước gia đình ông, nên gia đình ông không thể lấn chiếm đất của gia đình ông P được.

- **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C, Anh Phạm Văn T và chị Vũ Thị Mai L:** Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Phạm Văn P, không bổ sung gì thêm.

- **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M:** Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Đỗ Quang S, không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2017/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K đã Quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2014 ông Phạm Văn P làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc gia đình ông S phải tháo dỡ hàng rào và tài sản trên đất để trả lại cho gia đình ông diện tích 210m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và lời khai như trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, ông bổ sung thêm một số nội dung theo bản luận cứ ngày 27/9/2017 lưu trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn P, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện ngày 08/9/2015, ông P cho rằng ông S đã lấp rãnh nước, xây bờ rào cấm cọc sang phần đất của ông (BL 01). Tại biên bản hoà giải ngày 29/7/2015 ông P trình bày: Diện tích đất của ông trong giấy CNQSD đất không đúng với thực tế ông sử dụng, yêu cầu UBND xã xử lý đất theo bì đồ đã được cấp cho gia đình ông là 3.270m², nếu không ông không chấp nhận hoà giải (BL 11).

[2]. Quá trình giải quyết ông P xác định ranh giới đất giữa hai gia đình là một rãnh thoát nước do ông P đào vào năm 2000, có chiều dài 80m, chiều rộng 50cm. Bên phần đất của ông P giáp rãnh nước đã trồng cây cà phê, bên phần đất của ông S giáp rãnh nước phía trước để trồng, sau này mới trồng tiêu, phía sau trồng cà phê.

Cách đây vài năm ông S đã lấp rãnh nước và xây bờ rào lấn qua rãnh nước sang đất của ông (BL 100). Quá trình sử dụng đất xảy ra tranh chấp từ năm 2013 – 2014, ông S kéo lưới B40 giữa ranh giới hai gia đình, ông S dời mốc lấn sang 04m mặt đường, phía sau không lấn diện tích là 210m² (BL 109, 113).

[3]. Tuy nhiên, tại BL số 341 ông P lại khai: Sau khi được chia đất gia đình ông sử dụng trồng hoa màu, năm 1997 làm nhà ở, năm 2007 trồng cà phê trên toàn bộ diện tích đất, ranh giới đất giữa hai gia đình là một rãnh thoát nước do ông P đào từ khi chia đất. Gia đình ông đào rãnh nước, trồng cà phê sau thời gian ông S lấn đất, gia đình ông S lấn đất nhiều lần bắt đầu từ năm 2004, 2005, 2006 mỗi năm lấn một ít nhưng gia đình ông đều bỏ qua, lần cuối cùng lấn chiếm vào năm 2014-2015 (BL 341, 342). Như vậy, lời khai của ông P có sự mâu thuẫn, ông P xác định thời điểm lấn chiếm từ năm 2004, 2005, 2006, nhưng đến ngày 10/12/2007 ông P làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã N xác nhận về nguồn gốc đất là do khai hoang, tình trạng đất không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất (BL 48), nhưng ông P cũng không có ý kiến gì. Trường hợp ông S có lấn chiếm đất của gia đình ông trước thời điểm ông kê khai xin cấp giấy CNQSD đất thì ông phải có ý kiến và UBND xã không thể xác nhận hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất và chuyển hồ sơ cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất cho gia đình ông được.

[4]. Căn cứ để khởi kiện ông P cung cấp là giấy CNQSDĐ số AN 105192, thửa số 151, tờ bản đồ số 19, diện tích 3.270m² đứng tên hộ ông Phạm Văn P và bà Trần Thị C. Ông cho rằng diện tích đất thực tế đang sử dụng ít hơn so với diện tích đất được cấp, nên yêu cầu giải quyết theo giấy CNQSD đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông P thừa nhận diện tích đất gia đình ông được cấp giấy CNQSD đất là đúng vị trí, diện tích trước đây các hộ tự phân chia. Tuy nhiên, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2016 thể hiện diện tích đất thực tế gia đình ông P đang sử dụng là 3.049,4m², tứ cận:

- Phía Đông giáp đất ông Mai Văn G dài 71,17m;
- Phía Tây giáp đất ông Đỗ Quang S dài 70,21m;
- Phía Nam giáp đất ruộng rộng 41,46m;
- Phía Bắc giáp đường liên xã rộng 36,53m.

Thiếu so với giấy CNQSD đất gia đình ông được cấp là 220,6m², diện tích đất hiện đang tranh chấp nằm trong giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông S.

[5]. Không đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm. Ngày 05/9/2017, ông Nguyễn Văn T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm đơn yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét thẩm định lại, kết quả cụ thể:

Do theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông P:

- Phía Đông giáp đất ông G dài 72,9m + 07,1m;
- Phía Tây giáp đất ông Đỗ Quang S dài 74,2m + 08m;
- Phía Nam giáp đất ông Phạm Văn P rộng 36,5m;
- Phía Bắc giáp đường liên xã rộng 35m.

Tổng diện tích 3.270m².

Do diện tích đất thực tế hộ ông P đang sử dụng:

- Phía Đông giáp đất Ông Mai Văn G dài 76,3m;
- Phía Tây giáp đất Ông Đỗ Quang S dài 48,8m + 13,5m + 16,4m;
- Phía Nam giáp đất anh Phạm Văn P rộng 40m;
- Phía Bắc giáp đường liên xã rộng 36,4m.

Tổng diện tích 3.417,4m².

[6]. Như vậy, diện tích đất được cấp theo giấy CNQSD đất của hộ ông P ít hơn diện tích đất thực tế hộ ông P đang sử dụng là 147,4m². Diện tích đất tranh chấp nằm hoàn toàn trong phần đất hộ ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên thực tế diện tích đất gia đình ông P đang sử dụng có một phần nằm trong giấy CNQSD đất cấp cho hộ ông S, nhưng các bên không có tranh chấp.

[7]. Đối với diện tích đất của gia đình ông S, sau khi được chia đất, gia đình ông đã làm nhà ở, sử dụng ổn định, ranh giới đất giữa hai gia đình được xác định bằng một rãnh thoát nước do ông P đào, gia đình ông P đã trồng cả phê giáp rãnh thoát nước, nên gia đình ông S không thể lấn chiếm diện tích 04m phía trước giáp đường liên xã được, nếu lấn chiếm thì phải chặt phá hàng cả phê giáp rãnh thoát nước của gia đình ông P mới lấn chiếm đất được, thực tế cây cả phê gia đình ông P trồng từ đó đến nay vẫn còn nguyên. Mặt khác, lời khai của ông Dương Công V, ông Phạm Văn K, Mai Văn G thể hiện: Tại thời điểm chia đất dùng cây tre đo bằng gang tay ước lượng số mét, cứ 05 gang tay thì tính một mét, diện tích chia không đều nhau, hộ ông K được 40m, hộ ông G, ông P được 36m, phần đất của ông S không đo chỉ ước chừng 40m. Hộ ông K hiện nay đang sử dụng 48m mặt đường (BL 186-191).

[8]. Lý do diện tích đất của gia đình ông S nhiều hơn so với thời điểm chia đất là do phần đất gia đình ông giáp đường lô cao su, thời điểm chia có một ụ đất và bụi tre, sau này gia đình ông khai phá thêm để sử dụng. Nội dung này phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Dương Công V, anh Nguyễn Văn N, anh Mai Văn Ch (BL 187, 289- 292).

[9]. Diện tích đất của hộ ông S và hộ bà G đã được cấp giấy chứng nhận là 3.341m² (trong đó cấp cho hộ ông S 2.880m², chiều rộng mặt đường liên xã là 34,4m, hộ bà G 461m², chiều rộng mặt đường liên xã là 10,6m). Thực tế hiện nay hộ bà G đang sử dụng chiều rộng mặt đường liên xã là 12,6m nhiều hơn so với giấy chứng nhận QSD đất được cấp. Hộ ông S thực tế đang sử dụng chiều rộng mặt đường liên xã là 33,1m, ít hơn so với giấy chứng nhận được cấp là 1,3m. Mặc dù diện tích đất của ông S (bao gồm cả diện tích chuyển nhượng cho bà G) nhiều hơn so với giấy chứng nhận là 0,7m và nhiều hơn so với một số hộ khác được chia cùng thời điểm, nhưng thực tế gia đình ông S không có hành vi lấn chiếm đất của gia đình ông P như đã phân tích ở trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 10/2017/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Phạm Văn P phải nộp 300.000đ, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông P đã nộp.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc đất tại cấp phúc thẩm: Ông Phạm Văn P phải chịu 12.965.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông P đã nộp. Hoàn trả cho ông P 2.035.000đ, ông P đã nhận ngày 27/9/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn P.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 10/2017/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn P phải nộp 493.000 đồng, được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí DSST đã nộp, theo biên lai số 007271 ngày 01/12/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông. Ông P còn phải nộp tiếp 293.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn P phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên số 0000023 ngày 11/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất: Ông Phạm Văn P phải chịu 4.000.000 đồng, được khấu trừ 4.000.000 đồng ông P đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện K và 12.965.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông P đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho ông P 2.035.000 đồng, ông P đã nhận ngày 27/9/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện K;
- Chi cục THA.DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thông